

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày: 26 – 4 – 2023

V/v tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Bà Trần Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Số 442, phường X, quận Y, Tp. Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Từ Tiến P** – Tổng giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình L** – Phó giám đốc phòng quản lý nợ.

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông **Trương Minh Q** – Nhân viên xử lý nợ (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Lầu 8, Tòa nhà ACB, Số 444A – 446, phường R, quận U, thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số: 10/UQ-QLN.23 ngày 09/01/2023)

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 124/10 W, phường V, quận K, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A trình bày:* Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho bà Lê Thị H căn cứ theo hợp đồng tín dụng trả góp số: ANT.CN.329.290515 ngày 29/5/2015 (số tài khoản vay: 198245779), cụ thể: Số tiền vay: 58.000.000 đồng; phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán số 198244679 của bà Lê Thị H tại Ngân hàng TMCP A; thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 29/5/2015 đến ngày 29/5/2020); mục đích cho vay: Tiêu dùng tín chấp – Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình; phương thức cho vay: Cho vay từng lần; lãi suất trong hạn: 12,00%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; phạt trễ kỳ: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trả góp, bà Lê Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 09/3/2020, Ngân hàng TMCP A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn khoản vay của Hợp đồng tín dụng trả góp số ANT.CN.329.290515 nêu trên. Tính đến ngày 18/7/2022, bà Lê Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 80.382.623 đồng (trong đó: Vốn gốc: 36.726.000 đồng; lãi trong hạn: 21.015.333 đồng; lãi quá hạn: 15.241.290 đồng; phạt trễ kỳ: 7.400.000 đồng).

Do đó, Ngân hàng TMCP A khởi kiện và yêu cầu: Bà Lê Thị H trả ngay cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 18/7/2022 là 80.382.623 đồng (trong đó: Vốn gốc: 36.726.000 đồng; lãi trong hạn: 21.015.333 đồng; lãi quá hạn: 15.241.290 đồng; phạt trễ kỳ: 7.400.000 đồng). Bà Lê Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số: ANT.CN.329.290515, tính từ ngày 19/7/2022 đến ngày trả dứt nợ. Thứ tự trả như sau: Vốn gốc, phạt trễ kỳ, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Bị đơn bà Lê Thị H vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị H trả cho Ngân hàng TMCP A khoản tiền còn nợ theo hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết, cụ thể: Yêu cầu bị đơn bà Lê Thị H trả tổng số tiền 84.642.839 đồng (trong đó: Vốn gốc 36.726.000 đồng; lãi trong hạn 21.015.333 đồng; lãi quá hạn: 19.501.506 đồng; phạt trễ kỳ 7.400.000 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số: ANT.CN.329.290515 ngày 29/5/2015.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt nên đề nghị áp dụng Điều 227 để xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và hồ sơ vụ án, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP A với bị đơn bà Lê Thị H có ký hợp đồng tín dụng trả góp số: ANT.CN.329.290515 ngày 29/5/2015. Quá trình thực

hiện hợp đồng, bà Lê Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị H trả khoản tiền còn nợ gồm: vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ; đối với khoản tiền phạt trễ kỳ là không phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị H còn nợ nguyên đơn Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 77.242.839 đồng (trong đó: Vốn gốc 36.726.000 đồng; lãi trong hạn 21.015.333 đồng và lãi quá hạn: 19.501.506 đồng). Do đó, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị H trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 77.242.839 đồng và bị đơn bà Lê Thị H còn phải tiếp tục có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP A với bà Lê Thị H có ký hợp đồng tín dụng trả góp số: ANT.CN.329.290515 ngày 29/5/2015; quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP A khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Vào ngày 25/5/2015, bị đơn bà Lê Thị H ký giấy đề nghị kiêm phương án vay tiêu dùng tín chấp và bà Lê Thị H với Ngân hàng TMCP A đã ký hợp đồng tín dụng trả góp số: ANT.CN.329.290515 ngày 29/5/2015, cụ thể: Số tiền vay: 58.000.000 đồng; phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán số 198244679 của bà Lê Thị H tại Ngân hàng TMCP A; thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 29/5/2015 đến ngày 29/5/2020); mục đích cho vay: Tiêu dùng tín chấp – Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình; phương thức cho vay: Cho vay từng lần; lãi suất trong hạn: 12,00%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; phạt trễ kỳ: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn; cùng ngày 29/5/2015, bà Lê Thị H ký xác nhận thông báo lịch trả nợ vay với Ngân hàng TMCP A.

Theo đơn khởi kiện, kèm theo các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Ngân hàng đã thông báo chuyển nợ quá hạn đối với khoản nợ của bị đơn nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 18/7/2022, bị đơn bà Lê Thị H còn nợ tổng số tiền 80.382.623 đồng (trong đó: Vốn gốc: 36.726.000 đồng; lãi trong hạn: 21.015.333 đồng; lãi quá hạn: 15.241.290 đồng; phạt trễ kỳ: 7.400.000 đồng) và tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị H còn nợ tổng số tiền là 84.642.839 đồng (trong đó: Vốn gốc: 36.726.000 đồng; lãi trong hạn: 21.015.333 đồng; lãi quá hạn: 19.501.506 đồng; phạt trễ kỳ: 7.400.000 đồng). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh hoặc có văn bản

nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn Ngân hàng TMCP A giao nộp, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với khoản nợ vốn, nợ lãi quá hạn và nợ lãi trong hạn như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu bị đơn bà Lê Thị H trả khoản tiền phạt vi phạm/phạt trễ kỳ số tiền 7.400.000 đồng. Xét thấy: Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trả góp số: ANT.CN.329.290515 ngày 29/5/2015 giữa Ngân hàng TMCP A với bà Lê Thị H đã tự nguyện thỏa thuận số tiền phạt của một kỳ trễ hạn là 200.000 đồng/kỳ trễ hạn; tính đến hết ngày 29/5/2020 bà Lê Thị H đã trễ hạn 37 kỳ nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu bị đơn bà Lê Thị H còn phải chịu khoản tiền phạt trễ hạn với số tiền 7.400.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận tại mục 2.3.1 Điều 2 và mục 6.3 Điều 6 của hợp đồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 84.642.839 đồng (vốn gốc: 36.726.000 đồng; lãi trong hạn: 21.015.333 đồng; lãi quá hạn: 19.501.506 đồng; phạt trễ kỳ: 7.400.000 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng trả góp số: ANT.CN.329.290515 ngày 29/5/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng TMCP A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 91, Điều 94 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn bà Lê Thị H.

Buộc bị đơn bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 84.642.839 đồng (vốn gốc: 36.726.000 đồng; lãi trong hạn: 21.015.333 đồng; lãi quá hạn: 19.501.506 đồng; phạt trễ kỳ: 7.400.000 đồng) theo hợp đồng cấp tín dụng trả góp số: ANT.CN.329.290515 ngày 29/5/2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng trả góp số: ANT.CN.329.290515 ngày 29/5/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị H phải nộp số tiền 4.232.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ngân hàng TMCP A được nhận lại 2.009.566 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002785 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quý